

Bản án số: 129/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/9/2022.
Về việc: “Xin ly hôn, chia T sản
chung và nợ chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành T1

2. Bà Phạm Hồng G

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông **Đặng Thanh S** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên toà:*** Bà **Trần Phương T2** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2022/TLST – HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp xin ly hôn và chia T sản chung và nợ chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đinh Cẩm L**, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1962 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín – Phòng giao dịch huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ông **Lê Tấn T** - Phó phòng giao dịch huyện Hòn Đất (có mặt).

Địa chỉ: khu phố Đường Hòn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2. Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Định H.

Địa chỉ: ấp Hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Chủ Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Định H là ông Đoàn Văn H, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Cẩm L trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Bà Đinh Cẩm L và ông Nguyễn Văn N tự nguyện yêu thương nhau sau đó được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1990 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang vào ngày 31/12/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất vui vẻ, hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung là Nguyễn Hồng Phong, sinh ngày 20/12/1992. Đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác ở bên ngoài, không chăm lo cho gia đình mặc dù đã nhiều lần khuyên ông N nhưng không thay đổi. Đến năm 2021 do mâu thuẫn nên bà L và ông N đã ly thân nhau cho đến Ny. Bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Bà Đinh Cẩm L và ông Nguyễn Văn N có 01 người con chung là Nguyễn Hồng Phong, sinh năm 1992. Hiện Ny con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về T sản chung: Quá trình chung sống với nhau bà L xác định bà L và ông N có các T sản chung gồm:

+ T sản số 1: 01 căn nhà có diện tích là 50m² (chiều ngang 5m, chiều dài 10m) nền đất, mái tol, vách lá. Trị giá căn nhà này khoảng 20.000.000 đồng (đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất). Nhà này cất trên vị trí đất lưu không do Nhà nước quản lý, hiện Ny đã xuống cấp, giữa ông N và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ T sản số 2: 01 diện tích đất là 8229,4m² đất lúa, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 2 được Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn

N; đất tọa lạc tại ấp Hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Trị giá miếng đất khoảng 288.000.000 đồng. Bà L yêu cầu chia đôi diện tích đất này bà L sẽ nhận 1/2 diện tích đất là 4.114,9m² (thửa số 2); còn ông Nguyễn Văn N nhận 1/2 diện tích đất là 4.114,5m² (thửa số 1) theo tờ trích đo địa chính số 127-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống với nhau bà L và ông N có các khoản nợ chung như sau:

+ Nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín số tiền vay gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký. Bà L yêu cầu mỗi người có trách nhiệm thanh toán ½ số nợ trên cho ngân hàng.

+ Nợ Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Định H do ông Đoàn Văn H làm chủ số tiền 16.550.000 đồng. Bà L yêu cầu mỗi người có trách nhiệm thanh toán ½ số nợ trên cho ông H.

Ngoài ra không còn khoản nợ chung hoặc nợ riêng nào khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Văn N trình bày như sau:*

Ông Nguyễn Văn N đồng ý với lời trình bày của bà Đinh Cẩm L trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn cũng như con chung, T sản chung, nợ chung như trên là hoàn toàn đúng. Quá trình chung sống với bà L không hạnh phúc, do ông N và bà L không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau và đã ly thân nhau từ năm 2021 đến Ny. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà L không còn Ny bà L xin ly hôn thì ông N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông N các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Ông N đồng ý ly hôn với bà Đinh Cẩm L.

- Về con chung: Ông N và bà L có 01 người con chung là Nguyễn Hồng Phong, sinh năm 1992. Hiện Ny con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về T sản chung ông N xác định ông và bà L có 01 căn nhà và 01 phần đất đúng như bà L trình bày nêu trên. Sau khi ly hôn ông N yêu cầu giải quyết như sau:

+ T sản số 1: 01 căn nhà có diện tích là 50m² (chiều ngang 5m, chiều dài 10m) nền đất, mái tol, vách lá. Trị giá căn nhà này khoảng 20.000.000 đồng (đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất). Nhà này cất trên vị trí đất lưu không do Nhà nước quản lý, hiện Ny đã xuống cấp, giữa ông N và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ T sản 2: 01 diện tích đất 8229,4m² đất lúa, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 2 được Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn N; đất tọa lạc tại ấp Hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Trị giá miếng đất là khoảng 288.000.000 đồng. Bà L yêu cầu chia đôi diện tích đất này bà L sẽ nhận 1/2 diện tích đất là 4.114,9m² (thửa số 2) còn ông N nhận 1/2 diện tích đất 4.114,5m² (thửa số 1) thì ông N cũng đồng ý theo ý kiến của bà L.

- Về nợ chung gồm: Nợ ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - phòng giao dịch huyện Hòn Đất số tiền vay gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất của ngân hàng; Nợ cửa hàng vật tư nông nghiệp Định H số tiền là 16.550.000 đồng.

Ông N yêu cầu ông và bà L mỗi người có trách nhiệm liên đới trả ½ số nợ cho các chủ nợ trên.

Ngoài ra không còn khoản nợ chung hoặc nợ riêng nào khác.

** Theo đơn yêu cầu độc lập và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương Tín là ông Lê Tấn T trình bày như sau:*

Vào ngày 17/3/2021 bà Đinh Cẩm L và ông Nguyễn Văn N có vay vốn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – Thương Tín phòng giao dịch huyện Hòn Đất theo hợp đồng vay số 202126038661 và có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 8229,4m² đất lúa, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 02 được Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn N, đất tọa lạc tại ấp Hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang để vay của ngân hàng số tiền gốc là 55.000.000 đồng. Hiện tại khoản vay của ông N và bà L đã quá thời hạn nhưng phía ông bà vẫn chưa thanh toán cho ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín yêu cầu bà L, ông N có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 24/5/2022 là 5.365.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi phải trả cho ngân hàng là 60.365.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong hết số nợ trên. Trường hợp ông N và bà L không thanh toán thì yêu cầu cho phát mãi QSD đất đã thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho ngân hàng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án chủ Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Định H là ông Đoàn Văn H trình bày như sau:*

Trước đây Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Định H có bán vật tư nông nghiệp cho bà Đinh Cẩm L và ông Nguyễn Văn N nhiều lần. Đến ngày 28/8/2019 tổng kết nợ bà L, ông N nợ của cửa hàng số tiền là 14.000.000 đồng, đến ngày 05/01/2020 bà L, ông N mua thêm vật tư nông nghiệp với số tiền là 2.550.000 đồng. Tổng cộng phía bà L và ông N còn nợ Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Định H số tiền gốc là 16.550.000 đồng. Ny ông H yêu cầu bà L, ông N phải liên đới trả số tiền này.

* Tình tiết đương sự đã thống nhất: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của TAND huyện Hòn Đất ngày 22/4/2022, Tờ trích đo địa chính số 127-2022 ngày 08/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất để làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu Tòa án đo đạc lại phần đất tranh chấp.

Các bên đương sự thống nhất phần đất theo tờ trích đo địa chính số 127-2022 ngày 08/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất, theo giấy chứng nhận QSD đất số BX 022824 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn N hiện có giá trị khoảng 288.000.000 đồng. Mỗi thửa theo tờ trích đo địa chính số 127-2022 có giá trị là 144.000.000 đồng để Tòa án làm cơ sở giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm Ny các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đinh Cẩm L và ông Nguyễn Văn N.

+ Về con chung: Bà Đinh Cẩm L và ông Nguyễn Văn N thừa nhận có 01 người con chung là Nguyễn Hồng Phong, sinh năm 1992. Hiện Ny anh Phong đã trưởng thành nên đề nghị HĐXX miễn xét.

+ Về T sản chung: Bà L và ông N thống nhất T sản chung giữa ông bà gồm các T sản từ số 1 và T sản 2.

Đối với T sản số 1: giữa các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX miễn xét.

Đối với T sản số 2: Bà L và ông N đã tự nguyện thỏa thuận chia đôi nên yêu cầu Tòa án ghi nhận. Giao cho ông Nguyễn Văn N tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 4.114,5m² (tại thửa số 1) theo tờ trích đo địa chính số 127-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất; giao cho bà Đinh Cẩm L tiếp tục quản lý sử dụng phần đất có diện tích 4.114,9m² (tại thửa số 2) theo tờ trích đo địa chính số 127-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất

- Về nợ chung: đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Buộc bà L và ông N phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín và trả nợ cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Định H cụ thể là:

+ Buộc bà Đinh Cẩm L, ông Nguyễn Văn N liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín số tiền gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi là tính đến ngày 24/5/2022 là 5.365.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi phải trả cho ngân hàng là 60.365.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 25/5/2022 cho đến khi thanh toán xong hết số nợ trên cho ngân hàng.

+ Buộc bà Đinh Cẩm L, ông Nguyễn Văn N liên đới trả nợ cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Định H số tiền gốc còn nợ là 16.550.000 đồng.

Đồng thời buộc các đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn bà Đinh Cẩm L yêu cầu xin ly hôn và giải quyết chia T sản chung, nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với bị đơn ông Nguyễn Văn N. Hiện ông N cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Bà Đinh Cẩm L và ông Nguyễn Văn N có tổ chức lễ cưới vào năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang vào ngày 31/12/2002 nên hôn nhân giữa bà L, ông N là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L và ông N đều trình bày trong quá trình chung sống giữa ông bà có phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc thường xuyên cự cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà L và ông N đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Sau khi sống ly thân, bà L và ông N không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án phía ông N và bà L đồng ý ly hôn với nhau nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự theo quy định Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung:* Bà Đinh Cẩm L và ông Nguyễn Văn N thừa nhận có 01 người con chung là Nguyễn Hồng Phong, sinh năm 1992. Hiện nay anh Phong đã trưởng thành không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên HĐXX miễn xét việc nuôi con chung.

[3.3] *Về T sản chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án phía bà L và ông N thống nhất quá trình chung sống ông bà có tạo lập được các T sản chung như sau:

- T sản số 1: 01 căn nhà có diện tích là $50m^2$ (chiều ngang 5m, chiều dài 10m) nền đất, mái tol, vách lá. Trị giá căn nhà này khoảng 20.000.000 đồng (đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất). Nhà này cất trên vị trí đất lưu không do Nhà nước quản lý, hiện Ny đã xuống cấp, giữa ông N và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

- T sản số 2: phần đất có diện tích là $8.229,4m^2$ (đo đạc thực tế là $8.229,8m^2$ (theo Tờ trích đo địa chính số TĐ 127 - 2022 ngày 08/8/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất) tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 02; đất tọa lạc tại ấp Hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đã được UBND huyện Hòn Đất cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 022844 do UNND huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn N. Trị giá miếng đất là khoảng 288.029.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bà L, ông N đã tự nguyện thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận như sau: Bà L đồng ý nhận phần đất có diện tích $4.114,9m^2$ (tại thửa số 2), ông N đồng ý nhận phần đất có diện tích $4.114,5m^2$ (tại thửa số 1) theo tờ trích đo địa chính số 127-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất. Xét thấy việc thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm nên HDXX ghi nhận sự tự nguyện giữa các đương sự. Giao cho ông Nguyễn Văn N tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích $4.114,5m^2$ (tại thửa số 1), giao cho bà Đinh Cẩm L tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích $4.114,9m^2$ (tại thửa số 2).

[3.4] *Về nợ chung:* Bà L và ông N thống nhất, trong quá trình chung sống ông bà có các khoản nợ chung sau:

- Nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - phòng giao dịch huyện Hòn Đất số tiền là 55.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất của ngân hàng.

- Nợ Cửa hàng vật tư nông nghiệp Định H số tiền là 16.550.000 đồng.

Đối với số nợ trên bà L và ông N đồng ý mỗi người có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số nợ nêu trên.

[3.5] Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín và Cửa hàng vật tư nông nghiệp Định H là có cơ sở để chấp nhận. Buộc bà L, ông N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín và Cửa hàng vật tư nông nghiệp Định H.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[4] *Về án phí*: Buộc bà Đinh Cẩm L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do bà L là người cao tuổi nên HĐXX miễn án phí cho bà L. Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

- Buộc ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín và Cửa hàng vật tư nông nghiệp Định H không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

[5] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá T sản*: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.266.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000400 của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Hòn Đất. Bà L, ông N mỗi người phải chịu ½ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 14, Điều 27, Điều 51, Điều 55, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân : Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đinh Cẩm L và ông Nguyễn Văn N.

2/. Về con chung: miễn xét.

3/. Về T sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự:

3.1. Giao phần đất có diện tích 4.114,5m² (tại thửa số 1), đất tọa lạc tại ấp Hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo Tờ trích đo địa chính số TĐ 127 - 2022 ngày 08/8/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất cho ông Nguyễn Văn N tiếp tục quản lý, sử dụng.

3.2. Giao phần đất có diện tích 4.114,9m² (tại thửa số 2), đất tọa lạc tại ấp Hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo Tờ trích đo địa chính số TĐ 127 - 2022 ngày 08/8/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất cho bà Đinh Cẩm L tiếp tục quản lý, sử dụng.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, Tờ trích đo địa chính số TĐ 127 - 2022 ngày 08/8/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất và giấy chứng nhận QSD đất số BX 022824 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn N).

Kiến nghị UBND huyện Hòn Đất thu hồi, điều chỉnh cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và T sản gắn liền với đất cho ông Nguyễn Văn N và bà Đinh Cẩm L theo đúng diện tích nêu trên theo tờ trích đo địa chính số TĐ 127 - 2022 ngày 08/8/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất.

4/. Về nợ chung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

4.1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín. Buộc bà Đinh Cẩm L và ông Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 24/5/2022 là 60.365.000 đồng (trong đó tiền gốc là 55.000.000 đồng, tiền lãi là 5.365.000 đồng); cùng tiền lãi phát sinh tính tiếp từ ngày 25/5/2022 theo hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng đến khi thanh toán xong số nợ.

Trường hợp ông N và bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ của mình thì phía Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Thương Tín có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất cho phát mãi T sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Sau khi ông N và bà L thanh toán xong số nợ trên thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Thương Tín phải trả lại cho ông N và bà L bản chính giấy chứng nhận QSD đất số BX 022824 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn N có diện tích 8.229,4m² đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4.2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Định H do ông Đoàn Văn H làm chủ. Buộc bà Đinh Cẩm L và ông Nguyễn Văn N phải liên đới trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Định H do ông Đoàn Văn H làm chủ số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 16.550.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

5/. Về án phí: Buộc bà Đinh Cẩm L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tổng cộng là 6.327.000 đồng; [trong đó: tiền án phí 1.800.000 đồng (tiền án phí của T sản số 2) + 3.018.000 đồng (tiền án phí số tiền phải trả cho ngân hàng) + 1.509.000 đồng (số tiền án phí phải trả cho ông H)].

Tuy nhiên Theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà L thuộc diện người cao tuổi, phía bà L có đơn nên được miễn toàn bộ án phí. Do đó hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.777.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001730 ngày 16/3/2022 cho bà Đinh Cẩm L đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tổng cộng là 6.327.000 đồng; [trong đó: tiền án phí 1.800.000 đồng (tiền án phí của T sản số 2) + 3.018.000 đồng (tiền án phí số tiền phải trả cho ngân hàng) + 1.509.000 đồng (số tiền án phí phải trả cho ông H)].

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín và Cửa hàng vật tư nông nghiệp Định H do ông Đoàn Văn H làm chủ không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008096 ngày 08/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

- Hoàn trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Định H do ông Đoàn Văn H làm chủ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 400.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007825 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

6/. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá T sản: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.266.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000400 của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Hòn Đất. Bà L, ông N mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ này. Buộc ông N phải trả lại cho bà L số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.633.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (do bà L đã tạm ứng trước đây).

7/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn A